

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HSST

Ngày 07-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Thanh Đình.

2. Ông Trịnh Thanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tuấn, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:* Ông Thiệu Quang Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn D (tên gọi khác: D C), sinh ngày 13 tháng 4 năm 1995 tại Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Tổ 12, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Nguyệt L; Vợ, con: chưa có; Tiền án (01 tiền án): ngày 27/11/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Q xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 01/9/2016 chấp hành xong hình phạt tù; Tiền sự: Ngày 26/9/2017 bị Công an thành phố Q xử phạt 1.500.000đ về hành vi “Trộm cắp tài sản”, Nguyễn Văn D chưa thi hành số tiền này; Nhân thân: Ngày 18/4/2012 bị Chủ tịch UBND thành phố Q ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa người nghiện ma túy vào cơ sở chữa bệnh thời gian 24 tháng, ngày 19/5/2014 chấp hành xong; Ngày 09/3/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Q xử phạt 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2017 cho đến nay, có mặt.

2. Bùi Tuấn K (tên gọi khác: C), sinh ngày 06 tháng 7 năm 1985 tại Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Tổ 01, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo:

không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Tá S và bà Đoàn Thị P; Vợ, con: chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/02/2018 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1962; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Số 165/19 đường N thuộc tổ 4, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1988; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn 1, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Ông Vũ Đức H, sinh năm 1947; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Số 23 đường N thuộc 12, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Ông Phạm H, sinh năm 1950; có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Tổ 11, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Ông Lê Quang T, sinh năm 1960; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Số 03 đường V, thuộc tổ 5, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Võ Tấn Đ, sinh năm 1979; vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn K, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Chị Bùi Thị Bạch T, sinh năm 1976; vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ 5, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi

3. Bà Dương Thị H, sinh năm 1962; vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ 7, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1981; vắng mặt

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Chị Trần Thị Minh S, sinh năm 1984; vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 1, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ 12, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Để có tiền mua ma túy sử dụng nên Nguyễn Văn D

và Bùi Tuấn K đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Q, cụ thể:

Vụ 01: Khoảng 14 giờ ngày 14/11/2017, theo Nguyễn Văn D khai đối tượng tên Nam (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) điều khiển xe mô tô (không xác định nhãn hiệu và biển kiểm soát) chở D đi trộm cắp tài sản. Khi Nam và D đi ngang qua nhà ông Phạm H và bà Nguyễn Thị T thì phát hiện có 01 máy cắt sắt hiệu Ken, màu đỏ để phía trước nhà. Nam đứng ngoài còn D đi bộ vào trong lấy máy cắt sắt rồi cùng Nam tẩu thoát. Sau đó D và Nam đem đến đường Quang Trung, thành phố Q bán cho anh Võ Tấn Đ với số tiền là 600.000đ.

Vụ 02: Vào khoảng 04 giờ 40 phút ngày 20/11/2017, Bùi Tuấn K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu NOUVO, màu đen biển kiểm soát 76X8-9014 chở Nguyễn Văn D đi tìm tài sản để trộm cắp. Khi đến một con hẻm trên đường N thuộc phường N, thành phố Q thì phát hiện nhà bà Trần Thị Thu H có khóa cửa cổng, bên trong sân có để 02 bàn tròn inox và 10 ghế ngồi inox. K dừng xe lại đứng ngoài cảnh giới, còn D leo qua hàng rào để vào bên trong sân lấy 02 bàn tròn inox và 10 ghế ngồi inox chuyển ra ngoài cho K. Sau khi trộm cắp được tài sản trên, D và K chở 02 bàn tròn inox đến nhà bà Dương Thị H để và tiếp tục quay lại nhà bà Trần Thị Thu H chở 10 ghế ngồi inox đến nhà bà Dương Thị H bán 02 bàn tròn inox và 10 ghế ngồi inox cho bà Dương Thị H được 900.000đ. Số tiền này D và K mua ma túy sử dụng hết.

Vụ 03: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 17/12/2017, Nguyễn Văn D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu NOUVO, màu đen biển kiểm soát 76X8-9014 đi trên đường N, thành phố Q. Khi đến nhà ông Vũ Đức H thì phát hiện hai thùng giấy carton bên trong có đựng tỏi Lý Sơn. D để xe ở ngoài rồi đi bộ vào trong nhà ông H thấy không có người nên lấy 02 thùng tỏi Lý Sơn (loại thường) rồi đem ra ngoài để lên xe bỏ chạy. Sau đó D đem xuống tiệm của bà Bùi Thị Bạch T ở chợ Quảng Ngãi bán 02 thùng tỏi là 17kg với số tiền là 1.200.000đ.

Ngoài ra, Nguyễn Văn D còn khai hai lần trộm cắp tài sản, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 11 giờ ngày 31/10/2017, Nguyễn Văn D cùng với đối tượng tên Nam (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) điều khiển xe mô tô (không xác định được biển kiểm soát và nhãn hiệu) đi trộm cắp tài sản. Nam và D đến trước nhà chị Phạm Thị Tuyết M ở tổ 18, phường N, thành phố Q, Nam đứng ngoài cảnh giới còn D đi vào lấy trộm 01 máy hàn hiệu Riland, loại 250, màu xanh da trời của anh Nguyễn Văn L. Sau khi trộm cắp được tài sản, D và Nam bán cho một người không rõ lai lịch ở đường Trường Chinh, thành phố Q được 600.000đ.

Lần thứ hai: Khoảng 11 giờ ngày 02/11/2017, theo Nguyễn Văn D khai đối tượng tên Phong (chưa xác định được nhân thân lai lịch) điều khiển xe mô tô (không xác định được biển kiểm soát và nhãn hiệu) chở Nguyễn Văn D đi tìm tài sản để trộm cắp. Phong và D đi trên đường Vạn Tường thuộc phường N, thành phố Q thì phát hiện nhà ông Lê Quang T không đóng cửa, bên trong có để

01 bao tỏi Lý Sơn 15kg (loại thường). Phong dừng xe lại đứng ngoài cảnh giới, D đi bộ vào trong lấy trộm bao tỏi trên. Sau đó D và Phong mang đi bán cho một người phụ nữ (không xác định được nhân thân, lai lịch) tại Chợ Quảng Ngãi được 900.000đ.

Ngày 25/12/2017 và ngày 14/3/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi đã tiến hành định giá và kết luận:

- 10 (Mười) ghế ngồi inox (đã qua sử dụng), trị giá 700.000đ;
- 02 (Hai) bàn tròn inox (đã qua sử dụng), trị giá 3.000.000đ;
- 01 (Một) máy cắt sắt hiệu Ken (đã qua sử dụng), trị giá 1.000.000đ;
- 01 (Một) máy hàn hiệu Riland, loại 250, màu xanh da trời (đã qua sử dụng), trị giá 1.500.000đ;
- 17kg tỏi Lý Sơn loại thường, trị giá $17 \times 130.000\text{đ/kg} = 2.210.000\text{đ}$;
- 15kg tỏi Lý Sơn loại thường, trị giá $15 \times 130.000\text{đ/kg} = 1.950.000\text{đ}$;

Tổng giá trị tài sản là 10.360.000đ.

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 09/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn D và Bùi Tuấn K về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 33 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 18 đến 24 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 điều 138, điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Bùi Tuấn K từ 09 đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

- Ông Phạm H và bà Nguyễn Thị T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Ông Vũ Đức H đã nhận lại 02 kg tỏi, bà Trần Thị Thu H đã nhận lại 10 ghế ngồi inox và ông Lê Quang T không yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn D, Bùi Tuấn K phải bồi thường nên ghi nhận sự tự nguyện của ông H, ông T và bà Trần Thị Thu H.

- Anh Nguyễn Văn L yêu cầu bị cáo D bồi thường giá trị máy hàn hiệu Rililand với số tiền 1.500.000đ là có căn cứ, được chấp nhận.

- Đối với bà Bùi Thị Bạch T khi mua 17kg tỏi Lý Sơn (loại thường) của bị cáo D, bà T không biết tài sản trộm cắp mà có. Sau khi mua số tỏi trên bà T đã

bán 15kg còn lại 02kg bà T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Bà T không yêu cầu bị cáo D bồi thường nên ghi nhận sự tự nguyện của bà T.

- Đối với anh Võ Tấn Đ khi mua máy cắt sắt hiệu Ken, màu đỏ của bị cáo D, anh Đ không biết tài sản trộm cắp mà có. Sau khi mua anh Đ sơn lại thành màu đen vàng; anh Đ đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Anh Đ không yêu cầu bị cáo D bồi thường nên ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ.

- Đối với bà Dương Thị H khi mua 10 (Mười) ghế ngồi inox và 02 (Hai) bàn tròn inox của các bị cáo, bà H không biết tài sản trộm cắp mà có. Bà H khai sau khi mua đã bị mất 02 (Hai) bàn tròn inox; bà H đã giao nộp cho Cơ quan Điều tra 10 (Mười) ghế ngồi inox. Bà Dương Thị H không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên ghi nhận sự tự nguyện của bà Dương Thị H.

- Về xử lý vật chứng:

+ 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu NOUVO màu đen, biển kiểm soát 76X8-9014, số máy: 020374, số khung: 020374 là của chị Nguyễn Thị T. Chị T cho bị cáo D mượn xe mô tô trên làm phương tiện đi lại. Việc bị cáo D sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện đi trộm cắp tài sản chị T không biết. Cơ quan điều tra Công an thành phố Q đã trả lại xe mô tô biển kiểm soát 76X8-9014 cho chị T là phù hợp.

+ 02 (hai) kg tỏi Lý Sơn (loại thường) bà Bùi Thị Bạch T giao nộp, Cơ quan điều tra Công an thành phố Q đã trả lại cho ông Vũ Đức H là phù hợp.

+ 10 (Mười) ghế ngồi inox bà Dương Thị H giao nộp, Cơ quan điều tra Công an thành phố Q đã trả lại cho bà Trần Thị Thu H là phù hợp.

+ 01 (một) máy cắt sắt hiệu Ken màu vàng anh Võ Tấn Đ giao nộp, Cơ quan điều tra Công an thành phố Q đã trả lại cho ông Phạm H và bà Nguyễn Thị T là phù hợp;

+ 01 (một) máy cắt sắt màu xám do anh Võ Tấn Đ giao nộp nhưng không liên quan trong vụ án này nên Cơ quan điều tra Công an thành phố Q đã trả lại cho anh Võ Tấn Đ là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo Nguyễn Văn D và Bùi Tuấn K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện

kiểm sát nhân dân thành phố Q đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở để xác định: Để có tiền mua ma túy sử dụng, trong khoảng thời gian từ ngày 31/10/2017 đến ngày 17/12/2017 Nguyễn Văn D đã lén lút thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản của người bị hại trên địa bàn thành phố Q với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được là 10.360.000đ. Bị cáo Bùi Tuấn K đã cùng với Nguyễn Văn D thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản với giá trị tài sản chiếm đoạt là 3.700.000đ. Hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Các bị cáo tuy rủ nhau đi trộm cắp tài sản nhưng không có người chủ mưu, cầm đầu, không có sự phân công vai trò cụ thể của từng bị cáo, các bị cáo đều là người thực hành. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận Nguyễn Văn D, Bùi Tuấn K đồng phạm tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Các bị cáo đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, các bị cáo thực hiện hành vi một cách liêu lĩnh, liên tục nên cần phải được xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung loại tội phạm này.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Nguyễn Văn D đã 05 lần thực hiện hành vi phạm tội, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 10.360.000đ, trong đó hai lần thực hiện hành vi trộm cắp giá trị tài sản trên 2.000.000đ nên áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Ngày 27/11/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Q tuyên phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 01/9/2016 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 10.360.000đ đây là tình tiết tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Bị cáo Bùi Tuấn K không có tình tiết tăng nặng.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn D và Bùi Tuấn K đều thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Riêng bị cáo Bùi Tuấn K phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và bị cáo đã đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn D có nhân thân xấu, cụ thể, ngày 18/4/2012 bị Chủ tịch UBND thành phố Q ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa người nghiện ma túy vào cơ sở chữa bệnh thời gian 24 tháng, ngày 19/5/2014 chấp hành xong. Ngày 09/3/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Q xử phạt 20

tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo Bùi Tuấn K có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Đối với đối tượng tên Nam và tên Phong mà Nguyễn Văn D khai cùng với bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do không xác định được nhân thân lai lịch nên không có căn cứ để xử lý.

[8] Đối với bà Bùi Thị Bạch T, anh Võ Tấn Đ và bà Dương Thị H khi mua tài sản do các bị cáo trộm cắp được bà T, anh Đ và bà H hoàn toàn không biết tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có. Cơ quan điều tra Công an thành phố Q không có căn cứ để xử lý đối với bà Bùi Thị Bạch T, anh Võ Tấn Đ và bà Dương Thị H về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

- Ông Phạm H và bà Nguyễn Thị T đã nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông Vũ Đức H đã nhận lại 02kg tỏi, bà Trần Thị Thu H đã nhận lại 10 ghế ngồi inox và ông Lê Quang T đều không yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn D, Bùi Tuấn K phải bồi thường là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông H, ông T và bà Trần Thị Thu H.

- Anh Nguyễn Văn L yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn D phải bồi thường số tiền 1.500.000đ là có căn cứ, được chấp nhận.

- Bà Bùi Thị Bạch T mua 17kg của bị cáo D với số tiền 1.200.000đ, bà T bán lại cho khách 15kg với số tiền 1.050.000đ, số tiền còn lại 150.000đ bà T không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn D phải bồi thường là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng ghi nhận sự tự nguyện của bà T.

- Anh Võ Tấn Đ mua máy cắt sắt hiệu Ken, màu đỏ với giá 600.000đ. Anh Đ không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn D phải bồi thường là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ.

- Bà Dương Thị H mua 10 ghế ngồi inox và 02 bàn tròn inox với giá 900.000đ. Bà Dương Thị H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Dương Thị H.

[10] Về xử lý vật chứng:

+ 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu NOUVO màu đen, biển kiểm soát 76X8-9014, số máy: 020374, số khung: 020374 do anh Nguyễn Văn S đứng tên đăng ký. Vào khoảng năm 2011 anh Sáu bán cho chị Trần Thị Minh S nhưng chỉ viết giấy tay chứ chưa làm thủ tục sang tên. Sau đó chị S tặng cho chị Nguyễn Thị T sở hữu, sử dụng. Chị T cho bị cáo D mượn xe mô tô trên làm phương tiện đi lại. Việc bị cáo D sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện đi trộm cắp tài sản chị T không biết. Cơ quan điều tra Công an thành phố Q đã trả lại xe mô tô biển kiểm soát 76X8-9014 cho chị T là phù hợp.

+ 02 (hai) kg tỏi Lý Sơn (loại thường) bà Bùi Thị Bạch T giao nộp, Cơ quan điều tra Công an thành phố Q đã trả lại cho ông Vũ Đức H là phù hợp.

+ 01 (một) máy cắt sắt hiệu Ken màu vàng anh Võ Tấn Đ giao nộp, Cơ quan điều tra Công an thành phố Q đã trả lại cho ông Phạm H và bà Nguyễn Thị T là phù hợp;

+ 01 (một) máy cắt sắt màu xám do anh Võ Tấn Đ giao nộp nhưng không liên quan trong vụ án này nên Cơ quan điều tra Công an thành phố Q đã trả lại cho anh Võ Tấn Đ là phù hợp.

[11] Đề nghị của Kiểm sát viên về phân hình phạt, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp nên được chấp nhận.

[12] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn D và Bùi Tuấn K mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D và Bùi Tuấn K đồng phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 33, Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015: Tổng hợp với hình phạt 20 (hai mươi) tháng tù tại Bản án số: 11/2018/HSST ngày 09-3-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (Ba) năm 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20 tháng 12 năm 2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, Điều 33, Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009: Xử phạt bị cáo Bùi Tuấn K 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06 tháng 02 năm 2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự; Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn L số tiền 1.500.000đ (Một triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành xong.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Nguyễn Văn D và Bùi Tuấn K mỗi bị cáo

phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Q;
- Công an TP Q;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP Q ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Huỳnh Thị Hồng Hoa